TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI BÈ** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**
Số: 101/2019/QĐST-HNGĐ	*Cái Bè, ngày 07 tháng 3 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 787/2018/TLST/HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2018 về việc tranh chấp "ly hôn, nuôi con chung", giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Trương Thị Ngọc T** Sinh năm: 1979

Địa chỉ: ấp 4, xã P, huyện C, tỉnh T.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Thanh H** Sinh năm: 1972

Địa chỉ: ấp 4, xã P, huyện C, tỉnh T.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 02 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 02 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trương Thị Ngọc T và anh Nguyễn Thanh H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Ngọc T và anh Nguyễn Thanh H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Thị Yến L, sinh ngày 10/4/1999, đã trưởng thành, lao động được; Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 18/12/2003 và Nguyễn Thị Ngọc A, sinh ngày 04/9/2015, chị T và anh H thỏa thuận giao cháu Q cho anh H nuôi dưỡng, giao cháu Ngọc A cho chị T nuôi dưỡng, anh H và chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh, chị không có yêu cầu. Anh, chị có quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Trương Thị Ngọc T tự nguyện chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 09510 ngày 06/12/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè nên chị được hoàn lại số tiền 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- Ủy ban nhân dân TT C,
H C, T. T;
- Các đương sự;
- Lưu.

NGUYỄN KIM NGỌC